

Lý thuyết và phương pháp

Albert Doja

Đôi vai của những người khổng lồ: Claude Levi-Strauss và di sản của ông trong nhân học đương đại

Tóm tắt: Trong các phê phán chống cấu trúc luận, sự công kích chính của tiếp cận nhận thức luận (epistemological approach) của Levi-Strauss dường như bị mất, ảnh hưởng không tốt cho ngành nhân học và các ngành khoa học xã hội. Với một đặc tính bất hủ, nghiên cứu của Levi-Strauss đã gọi lại những tính cách của một số cha đẻ ngành học, đồng thời, trong mỗi liên hệ tới văn hóa, tâm lý, tiên liệu một nền nhân học lý thuyết ra đời, muốn tạo dựng một phương pháp nghiên cứu chính xác tiến gần tới tri thức khoa học. Điểm cơ bản giờ đây là việc giải phóng tiếp cận cấu trúc khỏi mô hình ngôn ngữ và hướng tới một bối cảnh mới về khoa học và công nghệ, như được minh họa trong toán học, công nghệ thông tin, điều khiển học và lý thuyết trò chơi, những ngành khoa học làm cho nhân học cấu trúc có thể giải thích một cách tiên tiến các hệ thống xã hội và tập quán của thực tiễn quan trọng và cạnh tranh.

Từ khóa: Lý thuyết nhân học, Claude Levi-Strauss, Lịch sử nhân học.

© Người dịch: Nguyễn Văn Sửu (Đại học Quốc gia Hà Nội). Tên gốc và tác giả của bài là: Albert Doja 2006. “The shouldlers of our giants: Claude Levi-Strauss and his legacy in current anthropology”. *Social Science Information*, Vol. 45 (1), pp. 79 - 107. Phần dịch sang tiếng Việt không kèm theo tài liệu tham khảo của bài gốc; độc giả nên đọc bản gốc tiếng Anh nếu có nhu cầu xem các tài liệu tham khảo hay trích dẫn nội dung của bài viết.

Giới thiệu

Đôi khi người ta cho rằng A.R. Radcliffe-Brown và Bronislaw Malinowski gần như là những người đẻ ra nền nhân học hiện đại. Nhận xét này có thể đúng vào giữa thế kỷ 20, khi mà nhân học Mỹ theo truyền thống Boas đã phân chia thành nhiều chuyên ngành, còn các học trò của Marcel Mauss còn chưa được nêu danh trong nhân học Pháp. Ngược lại, những nghiên cứu thân tộc của người Anh dường như lại vẫn ngủ yên với phương pháp do Malinowski xây dựng và với một lý thuyết mà Radcliffe-Brown đã phát triển như là một “khoa học về xã hội”. Biến đổi quan trọng đã diễn ra

trong nhân học vào những năm 1950 và 1960, khi kinh tế học và chính trị học được tái khái niệm, và những lý thuyết mới về ý nghĩa biểu tượng đã làm chuyển đổi ngành học. Như Ericksen và Nielsen (2001: 95) viết rằng những bước phát triển ở Anh và Bắc Mỹ khác nhau dù các vấn đề mà họ nêu lên giống nhau. Tuy nhiên, nhà lý thuyết quan trọng nhất là người Pháp.

Nếu như vào những năm sau chiến tranh, Claude Levi-Strauss nổi lên như là một nhà lý luận mẫu mực, một nhân vật quan trọng nhất trong lịch sử nhân học và là một nhà nhân học “thế giới”, “mẫu mực” (Diamond, 1974) trong nửa sau thế kỷ 20, ý nói nhiều về một lĩnh vực tri thức của thời đại chúng ta và của nhân học nói riêng. Vào những năm 1950 và 1960, vì nhiều lý do, trong đó có không ít công lao thúc đẩy ngành học của Levi-Strauss (John, 2003: 29), nhân học đã trở thành một trong những nguồn tham khảo quan trọng của các cuộc diễn ngôn tri thức ở Pháp, qua việc sử dụng một tư tưởng chính thống được định nghĩa là cấu trúc luận, một lý thuyết có tham vọng đem lại cho các ngành khoa học xã hội một quyền lực và mức độ chính xác không kém gì các ngành khoa học tự nhiên.

Trong bài luận đầu tiên về “sự ra đời của nhân học hùng biện trong lịch sử tư tưởng” (Doja, 2005), tôi chứng minh rằng trong khi nhân học cấu trúc của Levi-Strauss là một sự phản kháng chống lại hiện tượng thiên vị của triết học Pháp trong những năm sau chiến tranh, cũng như chống lại chủ nghĩa nhân văn cũ của thuyết sinh tồn, một thuyết dường như còn hạn chế bởi cả sự giam hãm của nó trong một truyền thống triết học Phương Tây cụ thể, và về sự thiếu hụt một cách tiếp cận khoa học, chủ nghĩa dạng thức của nhân học cấu trúc không thể đánh đồng với lĩnh vực cấu trúc luận, một lĩnh vực trở thành một tri thức đầy tranh cãi. Nhân học cấu trúc có một vai trò quan trọng trong phát triển các ý tưởng của Levi-Strauss, và không thể không đánh giá đúng mức những đóng góp của ngôn ngữ học đối với nhân học cấu trúc. Những nguyên tắc cơ bản rất giản đơn, và có thể minh họa bằng các ví dụ từ bất kỳ một ngôn ngữ nào: bản chất vô thức của các quy định ẩn sau phát âm, tính võ đoán của ký hiệu, và nguyên lý vừa kết hợp vừa phân biệt của ý nghĩa. Những điểm này tạo nên nét chính (vulgate) của cấu trúc luận như nó được giảng giải trong những năm 1950 và 1960 và như nó vẫn được giảng dạy ngày hôm nay.

Trong bài viết này, tôi muốn nói rằng đối với Levi-Strauss, cấu trúc luận là một khung hẹp của một sự đầu tư lỗi lạc. Về cơ bản, nghiên cứu của ông rất khiêm tốn, tỉ mỉ và phù hợp với tri thức nhân học, song thể loại vẫn còn là một sự trộn lẫn kỳ cục giữa tính hoạt bát và sự cân bằng dù cấu trúc luận đã từng có vai trò tích cực, nó cũng trở thành một vật cản đối với sự phát triển toàn diện các ý tưởng mà cuối cùng nhân học mắc nợ Levi-Strauss. Tiếp cận của ông không phải xuất phát từ những nguyên tắc phổ

thông mà từ một sự đòi hỏi và từ một quan điểm học thuật táo bạo. Nhờ có quan điểm đó và một số yếu tố khác, nghiên cứu lý thuyết của ông đã tạo ra một cơ hội để ông tìm kiếm trật tự ẩn sâu trong những bất ổn và qua đó có một phần đóng góp quan trọng đối với nhân học.

Mô hình Cấu trúc

Levi-Strauss là một nhà tư tưởng có hệ thống, một kiến trúc sư từng bước tạo nên một chuỗi các khái niệm khác nhau để tạo thành cấu trúc luận trong nhân học. Tự nó, sự kết thúc có tính chất đúng sai các quy trình của Levi-Strauss dường như không thể chấp nhận được và có thể đưa đến một phần cần thiết của bất kỳ một quá trình chứng minh nào nhằm tìm kiếm một mức độ chính xác nào đó. Điều này làm cho một số người tin rằng trong nghiên cứu của Levi-Strauss, các giả thuyết mà ông phát triển mang tính khép kín và tự tạo nên các giá trị tới mức mà qua các động năng hướng tới, chúng trở nên độc lập với bất kỳ một ví dụ nào bên ngoài sự công nhận có đủ giá trị (Johnson, 2003: 186). Tính vô thức cấu trúc luận mà Levi-Strauss dựa vào để loại bỏ tính chủ quan dường như đã trở nên cực kỳ hữu ích cho một số kẻ đã phê phán cấu trúc luận, những người coi lý thuyết này như là một sự cấu tạo giản đơn của một lý thuyết (Steinmatz, 1984). Trong thực tế, trong khi các giả thuyết mà ông xây dựng dường như có chức năng của một bàn đạp hùng biện cho phép ông bước tới giai đoạn tiếp theo để chứng minh điều dường như cơ bản là một quá trình một chiều, Levi-Strauss không ngừng tạo dựng cách tiếp cận của mình không phải chỉ trên cơ sở độ màu mỡ của sự cảm nhận trực quan của ông mà còn trên cơ sở tính phù hợp hiển nhiên của các kết quả thu được, ông sử dụng phương pháp của mình như một dẫn dắt linh hoạt cho nghiên cứu của mình chứ không phải như kiểu một công thức máy móc có thể chính nó tạo ra một kết quả.

Kết quả là tư tưởng của Levi-Strauss đã phát triển thông qua phân tích một số chủ đề (cấu trúc thân tộc, totem giáo, huyền thoại) và một quá trình tích lũy và bồi tụ một số các vị trí ngầm được chấp nhận có liên quan đến việc vận hành các khái niệm như là một sự quyết định ở cấp độ sâu nguyên tắc phụ thuộc lẫn nhau, cái bản chất chống đối và kết hợp của nhận thức con người, và chức năng của sự đại diện và các thể chế xã hội. Các khái niệm vận hành như được thể hiện rõ trong bối cảnh sử dụng, song lại rất khó hiểu đúng nó, thường tạo nên các câu hỏi và tranh luận giữa các nhà phê bình và bình luận. Như Levi-Strauss tin rằng ngôn ngữ học là một ngành học duy nhất trong khoa học xã hội và nhân văn đã đạt được sự kiên định trong phân tích tương đương với các ngành khoa học tự nhiên, nên

tham vọng của ông là tạo ra một mức độ chính xác tương tự trong nhân học. Nhưng đây là một yếu tố có tính phù hợp lịch sử hơn là bản chất lý thuyết. Từ một quan điểm lý thuyết, chỉ tập trung vào sự ảnh hưởng này dẫn tới một bức tranh một chiều trong tư duy của Levi-Strauss, đặc biệt là trong vấn đề ông đã khái niệm hoá huyền thoại như thế nào. Để bắt đầu, khi ông tuyên bố trong luận văn “Ngôn ngữ và phân tích quy luật xã hội” thì kết quả phân tích của ông là “chỉ có thể đạt được bằng việc coi các quy định hôn nhân và hệ thân tộc như là một loại ngôn ngữ” (1958d [1951]: 69 [61]), điều này rõ ràng là chẳng đại diện cái gì khác ngoài một phép loại suy giản đơn.

Dĩ nhiên, trong quá trình hình thành dạng thức về trao đổi hôn nhân, mô hình ngôn ngữ đóng một vai trò quan trọng. Ở cấp độ phương pháp luận, dự án chính, mà việc tách một số cấu trúc bất biến cơ bản sản sinh ra các cấu trúc thân tộc có thể quan sát được, đã trực tiếp truyền cảm hứng từ nghiên cứu của Roman Jakobson và Nicolai Trubetzkoy trong vật hậu học (phenology). Ở cấp độ khái niệm, thuật ngữ vận hành vô thức của các chuẩn mực xã hội được tạo nên bởi phép loại suy cùng với các quy luật vô hình về ngôn ngữ. Phép loại suy đã được hình thành từ lâu trong nhân học, ít nhất kể từ thời Franz Boas, một người mà Levi-Strauss quy chiếu, song ông đã hiểu rõ các phát triển đương đại trong ngôn ngữ học (Levi-Strauss, 1967 [1949]: 126-7 [108-9]). Hơn thế nữa, mô hình ngôn ngữ không được đề cập đến trong các trao đổi vật chất như những tín hiệu phân biệt và tùy ý, nhưng có lập luận cho rằng phụ nữ là các tín hiệu hơn là các giá trị và biến thể khác nhau của cái có thể và không thể biểu lộ giữa kẻ cho và người nhận đều rõ ràng là dựa trên khái niệm ngôn ngữ học về sự đối lập nhị nguyên (binary opposition). Cuối cùng, ý tưởng về xã hội hóa văn hóa cụ thể của các cá nhân như một sự lựa chọn thoái lui và sự kết hợp của các đặc điểm phổ quát được so sánh với quá trình tiếp thu ngôn ngữ.

Tuy nhiên, dù có cảm hứng từ hệ thống âm vị cấu trúc, Levi-Strauss đề xuất một phương pháp hoàn toàn mới để lý giải các cơ chế của hệ thống xã hội và biểu tượng. Về cơ bản, nó là một mô hình trao đổi, mà như Harris (1968: 494) viết tác phẩm *Gifts* của Marcel Mauss (1950) đối với Levi-Strauss được xem là quan trọng hơn cơ sở lý thuyết của *The Elementary Structures*. Trao cho người khác, một hành động cần thiết tạo ra một món nợ, có tác dụng tạo nên các quan hệ xã hội thông qua việc tái tạo và duy trì chúng. Nó là một hành động nền cho chức năng của trật tự xã hội. Trao đổi là một cơ chế nhấn mạnh đến các quy định khác nhau về ngoại hôn: đây là một khía cạnh tích cực của tục ngăn cấm loạn luân, được xem như là một nhân tố cơ bản gắn kết xã hội, thể hiện thông qua sự chuyển dịch từ “tự

nhiên” đến “văn hóa”, từ mối quan hệ sinh học đơn nhất của các cá thể tới mối quan hệ xã hội của họ. Nếu không có *sublation* biện chứng chuẩn mực này của tự nhiên trong xã hội thì xã hội không thể tồn tại. Một khi nam giới bị cấm không được thụ hưởng những người phụ nữ của mình mà phải trao đổi cho người khác, thì họ bị ép buộc phải thiết lập một hệ thống trao đổi để tạo nên cơ sở cho tổ chức xã hội.

Theo nghĩa này, J. P. B. Josselin de Jong (1952: 28) đúng khi lập luận rằng các nguyên tắc phương pháp luận của *The Elementary Structures of Kinship* rõ ràng là không quy chiếu đến ngôn ngữ học, trong khi Dan Sperber (1982: 94) lại cho rằng sự đồng hóa của các hệ thống thân tộc đối với ngôn ngữ phải được hiểu là một phép ẩn dụ nhất dựa trên nền tảng của một kiểu phép cải dung mơ hồ (dubious sunecdoche). Mối quan hệ ẩn dụ giữa thân tộc và ngôn ngữ có thể đi kèm với một quy trình về trật tự hoán dụ, song Levi-Strauss chưa bao giờ nghĩ ông “bị gò bó bởi những lập luận tinh tế của các nhà ngữ pháp” (cf. 1962b: 271-2 [205]).

Mô hình ngôn ngữ thường được coi là một thành tố quan trọng của nhân học cấu trúc, chỉ phù hợp với mô hình trao đổi khi trả lời câu hỏi về nguồn gốc của các cấu trúc tinh thần phổ quát như tính phụ thuộc lẫn nhau trong khái quát hóa sau này của Levi-Strauss về nguyên tắc phụ thuộc lẫn nhau bên dưới tựa đề liên lạc. Dù Levi-Strauss đề cập đến “cảm hứng” của Jakobson trong lời tựa của cuốn sách, mô hình ngôn ngữ chỉ được thừa nhận một cách đầy đủ trong chương cuối cùng, khi ông cố gắng tập hợp các hợp phần khác nhau của lý thuyết mà ông xây dựng vào trong một lời tuyên bố về phương pháp, một yếu tố tạo nên luận cứ cho toàn bộ nghiên cứu.

Phép loại suy ngôn ngữ phải được diễn giải như là một giả thuyết phương pháp luận. Về cơ bản, như Johnson (2003: 59-60) đã tóm tắt, có hai mô hình tạo nên nền tảng khái niệm cho *The Elementary Structures*. Mô hình thứ nhất và quan trọng nhất là mô hình trao đổi của Mauss có nguồn gốc từ xã hội học. Đó là một cấu trúc có sẵn được Levi-Strauss tiếp nhận và điều chỉnh. Mô hình thứ hai không dính dáng gì đến xã hội học, mà có nguồn gốc từ ngôn ngữ học mà Levi-Strauss có lẽ đã coi như là một ngành khoa học xã hội khác. Vậy trong khi mô hình kiểu Mauss về trao đổi có thể được xác định như là một “trật tự thứ nhất”, vì nó có nguồn gốc từ quan sát và so sánh về các hiện tượng xã hội đa dạng, mô hình âm vị ngôn ngữ có thể là “trật tự thứ hai” ở chỗ cho tới nay mục tiêu cơ bản của nó không phải là vấn đề xã hội, mà là một tập hợp nhỏ các vấn đề xã hội và đó là một tập hợp nhỏ quan trọng.

Nhưng trong khi việc áp dụng mô hình thứ nhất của Levi-Strauss bị giới hạn trong chức năng cơ bản đơn nhất của các hệ thống xã hội, trao đổi và sự phụ thuộc lẫn nhau, thì trật tự thứ hai, bên cạnh nguồn cảm hứng

phương pháp luận mà nó tạo ra, lại được áp dụng với các cấp độ khác nhau đối với các hệ thống này, các chuẩn mực vô thức, trao đổi giữa các đối tác khác nhau, sự phát triển tâm lý và sự xã hội hóa văn hóa chuyên biệt. Trong thực tế, sự chông chéo của hai mô hình này được Levi-Strauss trình bày như là một sắc thái quan trọng. Thay vì giữ hai lĩnh vực này tách biệt, Levi-Strauss có ý định kết hợp chúng lại thành một lý thuyết thống nhất về liên lạc xã hội nhằm đạt được một “mô hình lôgic” trong ngôn ngữ để nghiên cứu các đặc điểm liên lạc của đời sống xã hội. Đề xuất diễn giải này cho thấy ông không nói rằng văn hóa hóa có nguồn gốc từ ngôn ngữ hay ngôn ngữ và văn hóa có thể thay thế nhau hoặc quy lại thành một, hay ông cố gắng liên hệ ngôn ngữ với ứng xử. Với Levi-Strauss, có hai cách song hành giúp phân loại cùng một tài liệu về cả ngôn ngữ và cấu trúc xã thành những biểu đạt đồng nhất về các đơn vị tạo thành được tổ chức lại trong một hệ thống đơn nhất.

Ngôn ngữ có thể coi là một điều kiện của văn hóa, vì tài liệu không tạo nên ngôn ngữ thì cũng giống như một loại tài liệu không tạo ra văn hóa: các quan hệ lôgic, đối lập, liên hệ, và tương tự. Từ quan điểm này, ngôn ngữ có thể được coi là tạo nên nền tảng cho các cấu trúc phức tạp hơn có mối liên hệ với các khía cạnh khác nhau của văn hóa. (Levi-Strauss, 1958e [1953]: 78-9 [68-9])

Trước tình hình không thể giải quyết câu hỏi về mối quan hệ ưu tiên giữa hai hệ thống biểu tượng này, Levi-Strauss chỉ đơn giản làm cho việc khảo sát này không phù hợp thông qua việc cho thấy rằng thật vô ích khi muốn tạo ra bất kể một sự ưu ái nào giữa thể chế hôn nhân và ngôn ngữ nói. Mối quan hệ của chúng không phải là mối quan hệ nhân quả, không phải cái này là tiền đề của cái kia, cũng không phải là nguyên nhân hay hệ quả của cái khác. Mối quan hệ phương pháp luận cần thiết có lẽ rõ ràng là vì, theo Levi-Strauss, “thực tiễn” được đối xử trong cả hai trường hợp này không có khác biệt như là người ta vẫn mong đợi theo nghĩa cả “ngôn ngữ và ngoại hôn chia sẻ cùng có chức năng liên hệ và gắn kết xã hội” (1976 [1949]: 565 [493]). Quan hệ của chúng là mối quan hệ ẩn dụ theo nghĩa cả hai đều có một phương thức vận hành giống nhau, “một kiến trúc giống nhau” là một dấu hiệu của một nguồn năng lượng hay động năng cơ bản trong tâm trí ở cấp độ vô thức. Như Johnson (2003: 57-8) chỉ ra gạch ngầm của sự hợp lý này dường như là một cơ sở tối thượng cho nguyên tắc phụ thuộc lẫn nhau nằm đâu đó sâu thẳm trong cấu trúc tâm trí của con người, và ngôn ngữ, một phương tiện cơ bản của hôn phối xã hội là một sản phẩm của quyết định luận ở cấp độ sâu. Vì thế, việc cùng tồn tại hai sự tiếp nối của chúng ở cấp độ cấu trúc sâu cho thấy sự lôgic và chính xác khi giả thiết rằng bản sắc của chúng từ khía cạnh phổ quát hơn của liên lạc.

Đối với Levi-Strauss, điều quan trọng là làm sáng tỏ vấn đề hệ thống tín hiệu mà việc sản sinh ra nó phải cùng lúc tạo nên hệ thống của xã hội. Vì vậy, mô hình ngôn ngữ, hơn cả là một mô hình giản đơn có thể ứng dụng vào một hiện tượng xã hội nhất định nào đó, là một mô hình cần thiết theo nghĩa mục tiêu chính (ngôn ngữ) chia sẻ cùng một sự tiệm tiến tinh thần giống nhau như mục tiêu thứ hai của nó (các quan hệ xã hội). Levi-Strauss công khai xây dựng ý tưởng về sự tiếp nối của các chức năng trong bài viết “Linguistics and Anthropology” (1958e [1953]), các phương thức song hành của một hoạt động cơ bản hơn của tâm trí con người, một yếu tố mà phải xem chúng giống nhau cả ở góc độ nghi thức và chức năng.

Trong bối cảnh của sự phát triển tư tưởng của Levi-Strauss cuối những năm 1940, đầu những năm 1950, ông cố gắng nắm bắt được mô hình liên lạc ngôn ngữ đối với mô hình trao đổi, kết hợp với tiền niệm của ông về khía cạnh tâm lý về sự phụ thuộc lẫn nhau, cho phép ông lập luận về bản chất biểu tượng của các thể chế xã hội. Những cấu thành tập thể làm trung gian cho các mối quan hệ giữa các thành viên khác nhau trong một cộng đồng mang tính biểu tượng tới mức mà sự tạo thành của chúng là một vấn đề quy ước võ đoán và chúng cùng với nhau tạo thành một hệ thống theo nhiều cách khác nhau độc lập với các cấp độ bên dưới của cơ sở hạ tầng xã hội. Nếu chúng ta chấp nhận định nghĩa này về xã hội thì sẽ áp dụng các phương pháp phân tích tương tự được phát triển trong ngôn ngữ cấu trúc có thể áp dụng vào các khía cạnh khác nhau của đời sống xã hội. Theo như khái niệm mà Levi-Strauss bảo vệ ngay từ đầu trong cuốn *Introduction to the Work of Marcel Mauss* (1950), tất cả các sản phẩm xã hội là các hệ thống biểu tượng. Theo nghĩa này, phân tích cấu trúc là một công cụ học thuật và một phương pháp khoa học giúp cho Levi-Strauss vượt qua những năm 1960 mà không gặp phải một sự đứt đoạn nào trong lĩnh vực chuyên môn thứ hai của ông. Tuy nhiên, trong một bối cảnh rộng lớn hơn của nhân học về các phân loại xã hội và chủ nghĩa biểu tượng, khái niệm về huyền thoại của Levi-Strauss không có duyên nợ gì với mô hình âm vị học của ngôn ngữ.

Ngay từ đầu, với sự ra đời của “Structural Study of Myth” (1958g [1955] hay “Gest of Asdiwal” (1973a [1959])), Levi-Strauss đã chinh phục huyền thoại cũng bằng cách phân tích cấu trúc giống với mô hình ông thâm thấu được từ ngôn ngữ học, chính xác hơn là từ âm vị học, mà ông đã áp dụng một cách rất thông minh vào trong nghiên cứu các hệ thống thân tộc. Tuy nhiên, sự diễn giải của ông về bản chất và chức năng của huyền thoại không thể hiểu được nếu không có sự quy chiếu với mô hình ngôn ngữ. Nếu chúng ta chuyển từ câu hỏi về bản chất của huyền thoại sang câu hỏi về bản chất của chức năng của nó, và một lần nữa mô hình ngôn ngữ học có thể tạo

ra một phản hồi có giới hạn và phiến diện. Để nói huyền thoại là một loại ngôn ngữ thứ hai, như Roland Barthes (1993 [1957]) lập luận, giúp chúng ta có thể tiếp cận phân tích nó, song lại không cho biết đó là loại hình huyền thoại nào. Hơn thế nữa, logic của nhóm chuyển đổi và chức năng trung gian của chúng, vốn được đại diện bởi cái mà Levi-Strauss quy chiếu tới một “sự biểu đạt phù hợp với các quy chuẩn” nói về một sự hòa hợp năng động giữa các yếu tố ý nghĩa và cho phép hiểu tính động năng của cấu trúc thông qua các chuyển đổi của nó, là không thể bảo vệ được về ngôn ngữ và thậm chí không thể nhận thức được ở cấp độ âm vị học.

Khi Levi-Strauss giới thiệu công thức chuẩn về huyền thoại (1958g [1955]: 252-3 [228]), ông không gắn nó với mô hình ngôn ngữ. Ngược lại, từ tập sách đầu tiên về chu kỳ *Mythologiques*, ông đã có một nỗ lực kinh ngạc, được thể đầy đủ trong tập cuối, để vượt qua mô hình âm nhạc. Ông dựa vào âm nhạc như là một mô hình để thể hiện và diễn giải, một phương tiện phù hợp hơn để nói về cái mà khái niệm ngôn ngữ học và ngữ nghĩa học không cho phép ông tạo thành công thức một cách rạch ròi. Mặt khác, Levi-Strauss đề nghị hiểu huyền thoại theo chiều dọc, theo các mã số đa dạng của chúng giống như ghi điểm âm nhạc, song ông đặc biệt lý giải rõ hơn vì sao huyền thoại, giống như âm nhạc, không thể chuyển dịch thành một cái gì khác. Nếu một huyền thoại được công khai trong một sự biến đổi, giống như một giai điệu âm nhạc trong một sự phát triển, “các huyền thoại chỉ có thể dịch từ cái này sang cái kia theo một cách giống nhau như kiểu một âm điệu chỉ có thể dịch sang một âm điệu khác song vẫn duy trì mối quan hệ hài hoà với phiên bản cũ” (1971: 577 [646]). Thực tế, giống như huyền thoại, “một nhạc cụ là một huyền thoại được mã hóa về âm thanh thay vì lời tạo ra một hệ thống đường dây diễn giải, một ma trận của các mối quan hệ” (1971: 589 [659]), mà tín hiệu của nó được Levi-Strauss cho thấy trong trường hợp *Bolero* của Maurice Ravel. Không hơn gì một tư tưởng huyền thoại, “Nó không thể nhận thức được rằng nên có bất kỳ một nhạc cụ nào đó không được bắt đầu từ một vấn đề và có xu hướng hướng tới giải pháp cho nó” (1971: 590 [660]). Chính xác hơn, công thức chung về huyền thoại nghệ thuật của nhạc Fuga (the art of the fugue). Nó phù hợp với *Spiegelbild* nổi tiếng, hay “chơi gương” (mirror play), từng làm hứng thú các nhà soạn nhạc Âu châu cho tới tận thời Johann Sebastian Bach.

Trong khi dịch chuyển ý nghĩa của huyền thoại hay của âm nhạc từ các biểu hiện của chúng sang khung biểu hiện làm nên trật tự của chúng, Levi-Strauss giúp chúng ta xác định một “tâm điểm thật” cho chúng. Âm nhạc và huyền thoại không thể quy nạp về một hệ thống các ý nghĩa; chúng phải được tiếp nhận theo trật tự của chúng mà các vận hành của chúng được

quy nạp theo những cách riêng của chúng. Chơi gương thay thế biểu hiện tối cao của cả âm nhạc và huyền thoại.

Bất kỳ một huyền thoại nào cũng phải đối mặt với một vấn đề và nó giải quyết vấn đề đó bằng việc cho thấy rằng nó tương tự với các vấn đề khác, hay nó cùng một lúc giải quyết với một vài vấn đề và cho thấy chúng tương tự nhau. Tập hợp các hình ảnh và phản ánh này phản ánh lẫn nhau, trò chơi gương này không bao giờ phản ánh một sự vật thật. (Levi-Strauss, 1985: 227 [171]).

Điều này cho thấy tại sao nhà phân tích phải xác định ông hay chính ông vào một sự thể hiện mà sẽ không bao giờ tiết lộ các thiết bị huyền bí theo cách một người thực hiện một buổi hòa nhạc đọc điếm và đi đến sự phán quyết. Vì thế, nó không phải là một câu hỏi tạo nên một vài ý nghĩa sẵn có mà là thực hiện một buổi trình diễn. Theo cách này, người đọc được mời gọi tự để cho mình hay chính mình “chuyển tải tới âm nhạc được tìm thấy trong huyền thoại” (Levi-Strauss, 1964: 40 [32]).

Một cách tiếp cận đả đở

Việc khép lại phương pháp luận của Levi-Strauss có thể bao gồm một số giới hạn các phản ứng và các vị trí còn thiếu theo cách một sự áp dụng liên phân loại các mô hình khác nhau trong phân tích và lặp lại các phương pháp luận, vốn là một phần của lời kêu gọi liên hồi của Levi-Strauss để thống nhất các hợp phần khác nhau trong hệ thống của ông và đảm bảo tính gắn kết lý thuyết tổng thể của nó (Johnson, 2003: 186-7). Tuy nhiên, trong một trường hợp, như Geertz (1988: 32) viết, không tổ chức theo chuỗi phát triển các quan điểm, mà cũng không phải là một chuỗi các sự tái tạo các công thức về một quan điểm cố định và đơn nhất, mà là một sự tương tự của các hình ảnh của chính ông về “các ý tưởng cụ thể”.

Theo nghĩa này, ý nghĩa tổng thể của nó được cấu tạo một cách khéo léo trong một mối liên kết với các thành tố riêng biệt thông qua việc chiếu sáng một trục các thay thế dạng thức rút ra từ cái mà Jakonson (1981 [1960]) gọi là mặt bằng của nét tương đồng, hay “phép ẩn dụ”, đối với trục số của sự kết hợp cú pháp rút ra từ cái mà ông gọi là mặt bằng tiếp diễn, hay “phép hoán dụ”. Điều này làm cho cái nhìn tổng quát của Levi-Strauss giống như một bản thơ hoán dụ liên tiếp. Đây là mô hình phân tích trong đó bất kể một khía cạnh được phân tích nào đều đứng kề nhau, trong đó ý nghĩa của tổng thể nằm trong một thể loại cấu trúc có liên hệ với các phần kết nối như thể cú pháp của cú pháp, hình thức đóng, đủ trù tượng để đại diện và điều khiển cả hệ thống.

Như vậy, trong khi cả hai mô hình ngôn ngữ và âm nhạc có thể theo cách nào đó lý giải bản chất liên kết và phân biệt của huyền thoại, tiếp cận phân tích của Levi-Strauss về huyền thoại cần được hiểu trong bối cảnh một nền khoa học và công nghệ của giai đoạn đó, như được minh họa trong toán học, công nghệ thông tin, điều khiển học, lý thuyết trò chơi và thuyết tai biến, kể cả ở một mức độ lớn hơn là dạng thức thông tin, mà Levi-Strauss cho là chứa đựng nhiều hứa hẹn cho khoa học xã hội đặc biệt là trong trường hợp các tiên đoán của chính ông về khả năng công thức hóa trong nhân học, trong thực tế được trung gian qua ngôn ngữ học như ông ấy cho thấy trong bài viết đầu tiên của mình “Language and the Analysis of Social Laws” (1985d [1951]).

Khi Levi-Strauss chuyển sang lĩnh vực chuyên môn thứ hai, phân tích cấu trúc về huyền thoại, lý thuyết thông tin ít nhất cũng không kém phần quan trọng so với ngôn ngữ học theo nghĩa ông đã khái niệm hóa đối tượng nghiên cứu của mình. “Ngôn ngữ học về văn hóa” của ông, như Leach (2000) nói, phản ánh rất rõ các kỹ thuật và tiền định lôgic về lý thuyết thông tin và lập chương trình đường thẳng. Vì thế, Levi-Strauss được coi là một phần của phong trào học thuật quan trọng được gọi là cuộc cách mạng nhận thức, tới mức độ phân tích cấu trúc cho thấy huyền thoại và các hình thức ứng xử chứa đựng trong đó và chuyển tải các thông tin quan trọng giống như là các rập xiếc điện tử trong máy tính.

Một khía cạnh quan trọng khác của qui trình phân tích huyền thoại của Levi-Strauss là không chỉ xem xét một phiên bản đơn chiếc của huyền thoại mà phải nghiên cứu tất cả các biến thể của nó (1958g [1955]: 240-2 [217-18]). Tiếp cận phương pháp luận này mắc nợ lý thuyết thông tin hơn là ngôn ngữ học, như Johnson cho thấy trong vài chương sách của ông về “những năm tạo thành” của Levi-Strauss (2003). Mô hình thông tin cung cấp một số các khái niệm khá quan trọng cho phân tích huyền thoại của Levi-Strauss, như là một bức thông điệp, mã số, tiếng ồn, sự dư thừa, đóng góp thống kê, và quan trọng hơn là entropi (entropy). Quy luật thứ hai của động nhiệt học tuyên bố rằng entropi là mức độ bất ổn hay mất tổ chức của một hệ thống đóng, tăng lên cùng với thời gian. Nói theo thuật ngữ thông tin, điều này có nghĩa là một thông điệp về một cấu trúc có thể mất đi cái trật tự trong quá trình chuyển tải mà không bao giờ có thể lấy lại. Nếu huyền thoại là một “ngôn ngữ”, nó cũng là một thông tin cơ bản và nhìn chung được mã hóa và quá trình hay nguyên tắc lặp lại trong tự sự huyền thoại có thể được so sánh với các nguyên lý cơ bản của lý thuyết thông tin.

Huyền thoại là một “bức thông điệp” mà nội dung của nó không hạn chế trong một sự truyền dẫn đơn nhất mà phân bố rải rác trong một chuỗi các truyền dẫn trong các huyền thoại có liên hệ với nhau. Đây là việc coi

huyền thoại như một “chuỗi thời gian”. Thông điệp của huyền thoại là một chuỗi liên tiếp hay đứt đoạn các sự kiện có thể đo đếm được, được phân bố theo thời gian, rõ ràng là cái các nhà thống kê gọi là chuỗi (series) thời gian, kết nối các quá trình trong đó một ví dụ lớn hợp lý là đại diện cho một chuẩn như là tổng thể. Được truyền cảm hứng từ điều khiển học và lý thuyết liên lạc, Levi-Strauss diễn đạt khái niệm về sự tái tạo thống kê của thông tin với các ví dụ được trích dẫn khéo léo từ các lĩnh vực phân bố thị giác (1958g [1955]: 242 [218]) hay liên lạc truyền thông (1966: 106). Vậy, kể cả chuỗi thời gian mà đó là huyền thoại chấp vá, nó có thể tái tạo thông điệp của nó thông qua việc xử lý thống kê một số lượng nhất định các biến thể. Cho dù có mức độ biến dạng hay ồn ào như thế nào mà “tín hiệu” huyền thoại tùy thuộc vào, về nguyên tắc nó có thể loại bỏ entropi và tái cấu trúc nhiều hay ít thông điệp gốc một cách chính xác. Levi-Strauss thể hiện khả năng phục hồi này qua các thuật ngữ thông tin:

Quy luật thứ hai của động nhiệt học không chính xác trong trường hợp các vận hành huyền thoại: trong lĩnh vực này, các quá trình có thể đảo ngược và thông tin mà chúng chuyển tải không bị mất đi; đơn giản là vì nó được chuyển thành một trình trạng ngậm ngậm âm ỉ. Nó có thể tái tạo và vai trò của phân tích cấu trúc là xem xét đẳng sau sự bất ổn hiển hiện của hiện tượng và tái tạo trật tự của nó (1971: 190).

Một nhà phân tích về huyền thoại được so sánh với một nhà quan sát bên ngoài cố gắng tái cấu trúc một bức thông điệp hay thực tiễn nào đó cho đến khi mà anh hay chị ta không là điểm đến cuối cùng của bức thông điệp mà là một cái chặn của một thông điệp có dụng ý cho cái khác. Trong thực tế, trong bối cảnh gốc của nó, thông tin được mã hóa của huyền thoại có thể được coi là có chức năng điều khiển học tới mức mà nó là một thông điệp “say rượu” từ một xã hội nhất định tới chính nó, một thông điệp phân bố qua thời gian và không gian mà không có một trung tâm có thể định vị được về phát âm, một loại ngôn thuyết ẩn dụ mà theo như Levi-Strauss thì có chức năng quy định và giải quyết các mâu thuẫn (1958e: 254).

Thêm vào đó, nguồn gốc của khái niệm xã hội của Levi-Strauss như liên lạc và tính lạc quan ban đầu của ông về sự hình thành có thể có của ứng xử xã hội từ khía cạnh này dường như trực tiếp gợi lại tiếp cận công cụ đối với tri thức, kiên định với vấn đề điều khiển học trong thiết kế các máy móc như là một hiện thân cụ thể của các quá trình lôgic. Trong thực tế, nó dường như là một khái niệm về tâm trí con người, như Levi-Strauss hiểu và sử dụng nó có nguồn gốc từ các phản ánh của Wiener (1948) về các giới hạn của lôgic và về những ứng dụng có thể có của điều khiển học mà có thể quy nạp vào một ví dụ cuối cùng đối với các hoạt động của tâm trí con người. Đặc biệt, phân tích về huyền thoại của Levi-Strauss hoạt động đến mức mà

huyền thoại được xem là một mô hình hoạt động của các quá trình tư duy của con người. Trình bày của ông trong chuỗi Mythologiques là một kiểu thí nghiệm mở rộng trong đó “phòng thí nghiệm” là khu vực địa lý được bao bọc bởi hai nước Mỹ và mục tiêu tối thượng của thí nghiệm là nhằm khám phá logic bên trong của tâm trí con người.

Trong cuộc tranh luận, Levi-Strauss tìm cách chứng minh rằng các biến số liên tiếp của một huyền thoại không thể bị vứt bỏ vì không có liên hệ gì. Tất cả các tự sự liên quan là một sự tổng hợp sống, một mã số của sự tái diễn giải văn hóa trong đó các yếu tố đơn được tái hợp thành nhóm và không bị mất đi. Phép loại suy là lĩnh vực của địa hình học toán nghiên cứu về các mối quan hệ còn tồn tại dai dẳng cho dù các cấu hình đã biến đổi. Bất kỳ một thực thể phức hợp nào, từ các quan hệ xã hội hay thân tộc đến văn hóa và văn minh, nghệ thuật, công nghệ, hệ tôtem, huyền thoại hay tri thức khoa học, đều được đối xử như là một khúc đồng diễn của các đặc điểm, hay thành tố tùy thuộc vào các quy định gắn kết cụ thể, những quy định được quy nạp lại trong một chuỗi các quan hệ đối lập theo một mô hình phân tích được rút ra từ cả lý thuyết thông tin và ngôn ngữ học.

Cho dù mô tả của Levi-Strauss về căn nguyên của một hệ thống cho thấy một bước chuyển dịch từ đứt đoạn sang tiếp diễn bằng việc sử dụng các khái niệm của vật lý và hóa học, chẳng hạn như “kết tủa”, “sự kết tinh” hay “sự kết dính” của các thành tố phân tán, giải pháp của ông về mâu thuẫn hay các quan hệ đẳng cấp đối với các quan hệ phụ thuộc lẫn nhau hay hỗ trợ được gắn kết với các khái niệm trung gian, quy định và “homeostasis” hay phản hồi tiêu cực có nguồn gốc từ lý thuyết kết dính xã hội của Durkheim, lý thuyết phụ thuộc lẫn nhau của Mauss và điều khiển học. Cho dù là các hệ thống xã hội, văn hóa hay huyền thoại, mối quan hệ giữa các hệ phức hợp riêng biệt còn được coi là mối quan hệ của chuyển đổi theo mô hình khái niệm hóa có nền tảng từ toán học, sinh học và lý thuyết tai ương.

Quan điểm toán học của Levi-Strauss khá phổ biến với Piaget, Chomsky và một số nhà tư tưởng khác đã áp dụng khái niệm toán học về “nhóm”. Tuy nhiên, tính gốc trong đóng góp của Levi-Strauss phải được xem xét trong một hiểu biết phân tích và lực đòn bẩy của phương pháp luận mà ông triết xuất từ các khái niệm này, chẳng hạn như trong mô tả về sự phát triển lịch sử của một hệ thống phức hợp, khái niệm về việc liệu rằng sự lựa chọn vô thức hay có ý thức từ một dãy các con đường phát triển được nhận thức đồng thời với khái niệm cơ hội hay vui chơi trong sự phát triển của các hệ thống “stochastic” hiếm khi được quyết định.

Điểm quan trọng vẫn là sự giải phóng tiếp cận cấu trúc khỏi mô hình ngôn ngữ, nghĩa là một sự chuyển dịch từ ngữ nghĩa học xoay quanh tín

hiệu sang cái mà chúng ta có thể gọi là một “bút chiến phổ quát” (general agonistics), thuật ngữ mà Jean-Francois Lyotard sử dụng để mô tả các trò chơi ngôn ngữ trong tác phẩm *Postmodern Condition* (1979: 23), song ở đây hiểu là một lý thuyết trò chơi về các hệ thống xã hội và như một thói quen của các thực hành chiến lược và cạnh tranh. Khái niệm trò chơi, mà tầm quan trọng của nó không được những người phê bình nhận thức một cách đầy đủ, nhằm vào tính thông minh của các thói quen, vì thế tạo cho nhân học có khả năng đạt được một hình thức hợp lý mới. Như nó đã được chứng minh là vượt qua cấp độ ngữ nghĩa học trong giải quyết vấn đề tính trước hay sau của ngôn ngữ hôn nhân liên quan đến ngôn ngữ phát âm trong thực tiễn là việc chuyển dịch từ tự nhiên sang văn hóa, cũng không phải là không cấp thiết phải vượt qua cấp độ ý thức để giải quyết sự tiến thoái lưỡng nan có tính nhận thức luận về nhị nguyên luận giữa chủ thể và khách thể. Rõ ràng là vấn đề lý thuyết của trò chơi và các quy định đã phác họa bước vượt qua một sự phản đối khác đầy tranh luận này.

Levi-Strauss đã tạo dựng nghiên cứu khoa học của mình thông qua sự khác biệt của cái cần thiết và ngẫu nhiên, của sự kiện và cấu trúc. Trong việc này, phép đẳng lập (parataxis) nhấn mạnh đến tính đứt đoạn và đoạn tuyệt thể hiện một cách biểu tượng về tai ương. Hơn nữa, sự phát triển của một số khuynh hướng mới và mới được tiếp thêm sinh lực về dạng thức cấu trúc, được gộp lại trong khái niệm về sự biểu đạt phù hợp của Levi-Strauss đã tạo nên một nguyên tắc quy định về dự án nhận thức luận cấu trúc và động năng hình thái học (Scubla, 1998; Marandam, 2001), đã cho thấy cơ hội về một dân tộc chí cải tiến làm cho việc sử dụng tốt hơn lý do quy nạp và giả thuyết, sự phản ánh và tính có thể diễn dịch được của các mã số có thể chuyển đổi liên quan đến các thực tiễn liên văn hóa và xuyên biên giới. Dự án lý thuyết có cảm hứng từ công thức quy chuẩn có thể cho thấy rằng nhân học cấu trúc cũng quan tâm đến các quá trình xung đột xã hội, biến đổi, thói quen và tác nhân, những vấn đề tương như bị các khía cạnh cơ bản trong lý thuyết của Levi-Straus bỏ quên.

Phạm vi của Nhân học

Lấy các nhà tư tưởng Hy Lạp và La Mã làm nền tảng, các nhà triết học thời kỳ Khai sáng và Phục hưng đã dựng nên những nền tảng mà cho đến hôm nay vẫn còn là các định hướng tư tưởng. Decartes tạo dựng quan điểm tâm lý (mentalist position), lập luận rằng trí óc con người vận hành theo các nguyên tắc riêng của nó và đi tới tích trữ trong các ý tưởng bẩm sinh. Âm hưởng của quan điểm này còn được tìm thấy trong các ghi chép của Noam Chomsky và Jerry Fodor, tự nhận là những người “nativists”.

Những nhà thực nghiệm học (empiricists) người Anh do Locke dẫn đầu đã đưa ra một quan điểm trái ngược, cho rằng ban đầu trí óc của con người như là một tờ giấy trắng, trải nghiệm khắc các ý tưởng vào đó và các ý tưởng này có liên hệ với nhau. Các nhà tư tưởng theo thuyết ứng xử (behaviourists) thế kỷ 20 như nhà vật lý học người Nga, Ivan Pavlov, và các nhà tâm lý học người Mỹ hay “những người theo lý thuyết học tập” (learning theorists) từ B. F. Skinner đến Jerome Bruner và Howard Gardner cũng gắn với quan điểm thực nghiệm này.

Vào thế kỷ 18, một quan điểm lý thuyết khác hình thành. Immanuel Kant mô tả các loại nhận thức luận (epistemological), như thời gian, không gian, số và quan hệ nhân quả mà con người cần thiết áp đặt vào nhận thức và tình cảm của họ. Các cá nhân có nhận biết từ trải nghiệm, song trải nghiệm đó có tính tạm thời, bề mặt và có tính nhân quả. Vấn đề của những người theo chủ nghĩa Kant có nhiều ảnh hưởng đến chương trình nghiên cứu của nhà tâm lý học phát triển thế kỷ 20, Jean Piaget, người đã tìm cách mô tả sự phát triển của các thể loại trải nghiệm ở trẻ nhỏ. Giống như Jean-Jacques Rousseau, đồng hương của Kant và là người cùng thời với Kant, phân biệt rõ tài năng trong trí óc của trẻ em và tin rằng đôi với đứa trẻ tri thức lộ ra từ bên trong hơn là áp đặt từ bên ngoài.

Kant cũng nhất trí cao với nghiên cứu của Rousseau về cái được thông báo là khả năng hòa hợp của tự nhiên và văn hóa thông qua phương tiện của “lý do thực hành” như một nguồn thay thế trong một thế giới cần các quy luật của tự nhiên song không thể trích rút quy luật đó từ tự nhiên (Cassirer, 1954). Làm như vậy, Rousseau đã nói đến mối bận tâm cơ bản của nhân học thế kỷ 20 và trong tầm nhìn của Levi-Strauss cuộc “Ngôn thuyết thứ hai” là không còn nghi ngờ gì luận thuyết nhân học đầu tiên trong văn học Pháp. Trong thực tế, theo hầu hết các thuật ngữ hiện đại, Rousseau nêu lên một vấn đề trọng tâm của nhân học, được gọi là bước chuyển dịch từ tự nhiên sang văn hóa: “Chủ thể của cuộc ngôn thuyết này chống đỡ rằng giây phút trong tiến bộ của sự vật khi, với bạo lực kế tiếp, tự nhiên còn tùy thuộc vào quy luật” (Rousseau, 1967: 62).

Chắc chắn có một ảnh hưởng lớn được gắn với sự phát triển của tư tưởng tiến hóa, giải phóng chủ từ các tri thức của Charles Darwin, người đã nhấn mạnh các tiếp nối giữa loài người và động vật và tầm quan trọng của khả năng tâm lý đối với cái đã cho phép các cơ quan cá thể tồn tại cho đến khi tái sản sinh. Ngay khi các ả ý trong các nghiên cứu của Darwin được làm rõ, cách nghĩ của ông đã thông trị các lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm của các nhà khoa học quan tâm đến học tập và văn hóa. Thế hệ thứ nhất các học giả hiện đại không lùi bước trước việc tham gia vào các hình thức lý lẽ phức tạp về loài người và các loài động vật khác. Nhưng vào đầu

thế kỷ 20, lãnh địa gần như được nhượng lại hết cho các nhà nghiên cứu nhân mạnh đến sự tiếp nối ở tất cả các vương quốc loài vật bất chấp các vấn đề ngôn ngữ, ý thức và suy luận có trật tự cao và cố gắng lý giải bất kỳ một thành tựu học thuật nào trong khuynh hướng quy nạp và rè xén.

Trong thực tế, cách tiếp cận này, như được biểu hiện trong các nghiên cứu của các nhà tâm lý học tiến hóa và các nhà ứng xử gen, có thể vẫn còn có ảnh hưởng đến sự phát triển máy tính tốc độ cao và các chương trình phức tạp, cho phép các thực thể điện tử tính toán và giải quyết nhiều vấn đề của con người. Một khi máy tính có thể bắt chước các quá trình tư duy của con người, và trong quan điểm của nhiều người, tự thúc đẩy theo thời gian đến cấp độ hoạt động cao hơn, thì các nhà khoa học không thể giữ lại các tài năng trí tuệ của riêng con người. Vì thế làm sản sinh một cuộc cách mạng nhận thức, một phong trào tri thức quan trọng trong số các nhà khai sáng là các nhà khoa học máy tính như Herbert Simon và Marvin Minsky, nhà tâm lý học George Miller và Jerome Bruner, nhà ngôn ngữ học Noam Chomsky và nhà nhân học Claude Levi-Strauss. Cuộc cách mạng nhận thức giờ đây là một lĩnh vực liên ngành cố gắng cung cấp câu trả lời khoa học đối với các vấn đề nhận thức luận.

Trong nhân học, sự công kích chính đối với nhận thức luận kiểu Levi-Strauss cho rằng quá trình tư duy diễn ra theo các loại hình và yêu cầu tạo ra các phân biệt, và rằng không phải là nội dung mà là các loại hình và sự khác biệt đã bóp méo bản chất “thật” của đối tượng tư duy. Nếu, như Levi-Strauss tin thế, “hoạt động vô thức trung gian của trí óc bao gồm các hình thức áp đặt lên nội hàm” (1958b: 28), việc Ricoeur đặc tính hóa nhân học cấu trúc là một “chủ nghĩa Kant không có chủ thể siêu việt” (Ricoeur, 1969: 55) là một đoạn có thể chính Levi-Strauss nhanh chóng hoan nghênh (Levi-Strauss, 1964: 19). Giống như Kant, ông khẳng định rằng thế giới được quan sát thông qua các cảnh tượng tiền cấu trúc. Không có gì được quan sát như nó vốn có, mà nó chỉ được cấu tạo một cách khái niệm trong mối quan hệ với các sự vật khác mà qua đó nó khác biệt, và tư duy tùy thuộc vào ngôn ngữ và vì thế tùy thuộc vào các loại hình mà một nền văn hóa chọn ra.

Các lập luận này hình thành nên tâm trí của Levi-Strauss cần thiết áp dụng với các sự vật như thể là giới hạn và phổ quát như các loại hình tư duy của Kant, chúng vừa là lịch sử vừa là văn hóa vì chúng “về cơ bản giống nhau giữa các trí óc, cổ đại và hiện đại, nguyên thủy và văn minh, như nghiên cứu về chức năng của biểu tượng được thể hiện trong ngôn ngữ đã chỉ ra rất rõ” (Levi-Strauss, 1958b: 28). Theo nghĩa nào đó, chúng cũng trống rỗng như các hình thức có nghĩa, như Levi-Strauss cho thấy trong mối tương quan với “tính hiệu quả của biểu tượng”:

Cái vô thức luôn trống rỗng, hay chính xác hơn, nó xa lạ đối với các hình ảnh tinh thần như là dạ dày đối với thực phẩm trôi qua nó. Là một cơ quan có một chức năng cụ thể, cái vô thức chỉ áp đặt các quy luật cấu trúc lên các thành tố tâm có nguồn gốc ở đâu khác, xung lực, tinh thần, sự trình bày và trí nhớ. (Levi-Strauss, 1958c: 224).

Chức năng biểu tượng này được nhận dạng một cách rõ ràng với cái vô thức, là cơ quan của nó, một sự vô thức không phải là tâm lý mà có tính loại hình hơn, mà vai trò của nó bao hàm việc áp đặt các quy luật cấu trúc lên một vấn đề cụ thể nào đó. Cho dù tâm và vô hình, các thành tố vươn tới trí óc con người tạo ra ý nghĩa, đạt được tầm quan trọng và trở nên thông minh nhờ có hoạt động mà trí óc cấu trúc lên chúng. Nhờ có giả thuyết cho rằng các hình thức tạo nên sự quan trọng này trở nên phổ quát và không thay đổi. Levi-Strauss phác họa một nguyên tắc phương pháp luận theo đó mà bất kỳ một sự tìm kiếm ý nghĩa nào về bất kỳ một thể chế con người nào đó phải có khả năng khám phá chúng. Hiện rõ trong tất cả các vận hành mà trí óc con người kiểm soát, các quy luật bất biến và phổ quát ở tất cả các cấp độ của lĩnh vực biểu tượng, cũng như ở trong các hệ thống thân tộc và huyền thoại. Trong thực tế, đằng sau diện mạo của tính võ đoán và sáng tạo, chúng che giấu các quy luật hoàn toàn có giới hạn như bất kỳ một sự sản sinh nào của con người. Đối với Levi-Strauss, trung thành với Taylor, “nếu trí óc con người mà kiên định kể cả trong lĩnh vực huyền thoại thì nó phải kiên định trong tất cả các lĩnh vực hoạt động khác” (Levi-Strauss, 1964: 18).

Đây là sự chuyển về trong triết học Kant đối với nhân học dù các khác biệt tạo nên những kết luận không giống nhau. Là một nhà nhân học, cũng như Kant là một nhà triết học, Levi-Strauss không cảm thấy bắt buộc phải quan tâm đến một chủ đề phản ánh cơ bản nào có các điều kiện để cho tư duy của ông hoạt động hay một khoa học nào riêng biệt đối với xã hội của ông và giai đoạn ông sống để mở rộng các phát hiện bản địa đối với một hình thức hiểu biết mà tính phổ quát của nó không bao giờ vượt qua giới hạn là các giải thuyết và tiềm năng. Thay vì giả thuyết một hình thức phổ quát về sự am hiểu, nhà nhân học thích nghiên cứu các hình thức thực nghiệm tập thể về sự hiểu biết mà tài sản của chúng được củng cố như nó vốn thể và được biểu lộ trước nhà nhân học dưới các hệ thống cụ thể không thể đếm được về những sự trình bày văn hóa. Tiến sang các hạn chế chủ quan và quá tả trong các tài liệu dân tộc học qua việc tìm kiếm cái có thể chia sẻ bởi một tính nhân văn dẫn đến xa lạ với chúng ta và với cách mà trí óc của chúng ta vận hành, nhà nhân học cố gắng khám phá một hình thái của các giới hạn cơ bản và phổ quát chung cho tất cả mọi trí óc ở mọi nơi. Vì thế, đối với Levi-Strauss, khi tham vọng của ông là:

phát hiện các điều kiện trong đó các hệ thống của chân lý trở nên cùng lúc có thể chuyển dịch và vì thế chấp nhận được đối với một số các chủ thể khác nhau, hình thức của các điều kiện tạo thành tính cách của một chủ thể tự chủ với một thực tiễn của chính nó mà không phụ thuộc vào bất kỳ một chủ thể nào khác. (1964: 19).

Vấn đề trọng tâm trong nhân học của Levi-Strauss là tại sao ở tất cả mọi nơi trên thế giới con người lại kể một số huyền thoại có chọn lọc, thờ cúng một số tôtem, và cho phép hay ngăn cấm một số các hình thức hôn nhân. Nếu chúng tồn tại ở mọi nơi theo cách đó, chúng phải có một công cụ trí óc đưa chúng đến chỗ hành động theo cách đó.

Một ý tưởng trọng tâm có ý nghĩa rất quan trọng trong nghiên cứu của Levi-Strauss là khái niệm cho rằng ứng xử xã hội luôn được thực hiện trong sự quy chiếu tới một kế hoạch khái niệm, một mô hình trong trí óc của người hành động về việc sự vật là gì và chúng phải là gì. Hưởng lợi từ chủ nghĩa Marx và chấp nhận “tính ưu việt không thể chối cãi của cơ sở hạ tầng” và “thói quen của các nhóm xã hội”, ông muốn “quy nạp” nhân học vào một lý thuyết về thượng tầng có vấn đề chủ thể không đối về tư tưởng song các lược đồ tinh thần trung gian giữa thói quen cơ sở hạ tầng (hành động của con người) và các thực hành thượng tầng (các thể chế văn hóa) qua việc làm sáng tỏ một hệ thống khái niệm là một yếu tố vận hành tổng hợp giữa các ý tưởng và thực tiễn (Levi-Strauss, 1962b: 173-4).

Durkheim đã hậu thuẫn loại hình lý giải xã hội học này, vì các hiện tượng xã hội là “các hệ thống chủ quan của các ý tưởng”. Nhưng cùng lúc, ông cũng ủng hộ “thực nghiệm có phương pháp” để tìm hiểu về các thực tế xã hội như thể chúng là “các sự vật” (Durkheim, 1988). Những khó khăn về lý thuyết mà Durkheim gặp phải khi ông dựa vào các trạng thái tình cảm tập thể như là một thực tế lý giải cuối cùng chỉ là một sự biểu đạt của một công thức hóa không phù hợp về vấn đề. Các thành tựu biểu tượng mà Durkheim đã tìm kiếm để lý giải từ góc độ xã hội học chỉ đơn giản không thể lần theo các thực tế xã hội vì chúng làm gia tăng yếu tố xã hội ngay từ đầu.

Levi-Strauss đảo ngược vị trí của Durkheim bằng cách đặt nguồn gốc của khía cạnh biểu tượng của các hiện tượng văn hóa trong các hoạt động biện chứng của trí óc con người và không phải theo cách mà xã hội được tổ chức. Levi-Strauss lập luận rằng bằng định nghĩa hệ thống biểu tượng là một chuỗi các quy luật làm cho đời sống xã hội có thể và cần thiết, rằng nó điều khiển bản chất của con người và các sản phẩm văn hóa của họ, và tóm lại là điều kiện của ý nghĩa. Vì thế, nó phải là nghiêm nhiên như hình thức của Kant. Tin tưởng rằng các hình thức tư tưởng biểu tượng là được trao cho chứ không thể giải thích hơn về góc độ xã hội, ông coi đặc tính kết nối

liên chủ thể về các biểu tượng chung thông qua đó một trật tự xã hội được tạo thành như đã gắn kết vào trong các thực tế tiền xã hội, được xác định một cách có chương trình như là “hành động vô thức của trí óc con người” có thể tạo ra tiếp cận lý thuyết.

Tạo nên một cuộc chuyển đổi nhận thức trong nhân học, Levi-Strauss đã giải quyết sự tự mâu thuẫn của Durkheim giữa các phương pháp biện chứng và thí nghiệm bằng việc lập luận rằng thông qua trung gian của các lược đồ khái niệm, ý tưởng và thực tế được biến thành các tín hiệu và hoàn thành như là các cấu trúc, đó là “các sự vật cả về thực nghiệm và dễ hiểu” (1962b: 173). “Các hệ thống ý tưởng khách quan” của Durkheim là vô thức hay được đặt dưới các cấu trúc tâm lý vô thức, cái làm cho chúng có thể giải thích các hiện tượng xã hội, có thể trình bày đặc tính ý nghĩa của toàn thể và các hệ thống cấu trúc như thế nào. Levi-Strauss cho rằng vì con người liên lạc với nhau bằng các phương tiện biểu tượng và tín hiệu và vì các hiện tượng xã hội được làm cho có thể thông qua trung gian cơ bản của các lược đồ khái niệm, các lĩnh vực văn hóa là “có chứa với ý nghĩa”, mà lý giải phù hợp nhất phải biện chứng như đối lập với cái cơ học. Vì thế, các hiện tượng xã hội thể hiện đặc tính của “sự vật” song cùng lúc có thể được coi là các ý tưởng được xem lại trật tự lôgic của chúng.

Đối với Levi-Strauss, trong các xã hội ông nghiên cứu, dường như không có mối liên hệ chặt chẽ giữa các chi tiết của đời sống vật chất và sự đa dạng của thực tiễn xã hội. Cả các nhân tố kinh tế và môi trường đều không thể lý giải cho sự đa dạng của các hệ thống thân tộc cá nhân hay các nét đặc thù của hành động văn hóa. Kể cả nếu nó có thể thì tính phổ quát của các hình thái cấu trúc vẫn có thể cần phải giải thích. Chối bỏ mối liên hệ mật thiết giữa các chi tiết của đời sống vật chất với các ý tưởng, ông đánh một dấu mốc bằng việc cho rằng chất lượng của sự chọn lọc trí tuệ là một vấn đề “tốt để nghĩ đến” (1962a: 132). Các hệ thống thân tộc được hình thành thông qua các nền văn hóa là điều lý tưởng giống như kiểu ngôn ngữ tồn tại trước cá nhân con người. Vì thế, các lập luận này là một chuỗi các quy định mà trật tự lôgic vô thức của chúng phải được con người sử dụng để tạo nên thế giới của họ. Nói cách khác, các loại hình tinh thần và khả năng trí óc của con người được xem là các hoạt động tinh thần đầu thai, được hiển hiện trong các hệ thống biểu tượng văn hóa về thế giới xã hội trong hầu hết các xã hội khác nhau.

Nếu như chúng ta tin thế, hành động vô thức của trí óc bao gồm việc áp đặt các hình thức lên nội hàm và nếu các hình thức này cơ bản giống nhau trong tất cả mọi trí óc, như cổ đại và hiện đại, nguyên thủy và văn minh, thì nó thật cần thiết và có đủ cơ sở để nắm bắt được cấu trúc vô thức

tiềm ẩn bên dưới mỗi thể chế và mỗi tập tục nhằm mục đích đạt được một nguyên tắc lý giải chân xác về các thể chế và tập tục khác. (1958b: 28).

Dù quan tâm đến các cấu trúc tinh thần, Levi-Strauss chưa bao giờ bỏ qua các mối quan tâm thực nghiệm, mà thay vào đó, ủng hộ việc nhà nhân học phải tìm cách khám phá các cơ chế của tư duy khách quan vô thức trên cơ sở dân tộc chí (1962b: 63, 1964: 10-11; 1971: 562). Phân tích cấu trúc “cho thấy đằng sau hiện tượng là một sự thống nhất và một sự cố kết có thể không được nhận biết thông qua một mô tả đơn giản về thực tiễn, có thể nói là ‘được bài trí ngang bằng’ và được trình bày với một trật tự ngẫu nhiên để đạt được tinh thần. Bằng việc thay đổi cấp độ quan sát và xem xét đằng sau các sự kiện thực nghiệm đối với các mối quan hệ giữa chúng, nó “tiết lộ và khẳng định rằng các mối quan hệ này đơn giản hơn và dễ hiểu hơn các sự vật chúng kết nối, và bản chất tối thượng của chúng có thể vẫn còn không thể dò được mà không có sự tối nghĩa xác định hay tạm thời là một vật cản đối với diễn giải” (Levi-Strauss 1971: 614).

Nhận thức như thế hiểu được các loại hình của những cái có cảm giác (cái chín và sống, tươi và thối, luộc và nướng) hay các thực tiễn tâm lý và trí tuệ; nó góp phần làm cho trí thông minh giải mã các mạng lưới cho biết thực tiễn trong cấu trúc mà một người theo chủ nghĩa thực nghiệm ngây thơ có thể không có khả năng khám phá. Theo cách tương tự, dù nó là huyền thoại học, nhân học hay xã hội học đều quản lý tất cả các vận hành của trí óc con người. Vì thế, có thể khẳng định về một giả thuyết cơ bản được hình thành từ năm 1955. Chống lại mãnh liệt các cảm dỗ của chủ nghĩa thực nghiệm, khái niệm hóa trong thực tế biết đến một mô hình đơn nhất chỉ khi các chủ thể của nó khác đi: “Những sự giống nhau không còn thuộc về lĩnh vực quan sát thuần túy, mà chúng được hiểu như là các thực thể hợp lý. Chúng không còn chỉ là quan sát được mà trở thành có thể chứng minh được” (Levi-Strauss, 1971: 32-2).

Levi-Strauss công nhận rằng ứng xử thực tế của các cá nhân có thể hàm chứa tính bất quy tắc và ứng biến. Nhưng trong quan niệm của ông, các thực hành này là một sự biểu đạt của các kế hoạch lý tưởng có trật tự của các tác nhân, giống như kế hoạch lý tưởng chính nó là một chương trình cho hành động được tạo nên bởi thói quen của toàn thể xã hội. Chúng ta có thể thường hay so sánh hình thái các quan hệ kết nối các chuỗi ứng xử của con người, song chúng ta sẽ không nhận biết được điều gì nếu chỉ đơn giản so sánh các thành tố văn hóa đơn nhất như là các thực thể tách biệt. Bất kỳ một trường hợp thực nghiệm cụ thể nào cũng chỉ là một hình thức thay thế từ một tổng thể các khả năng, là một hệ thống tổng thể, với một chủ đề và các biến đổi. Nghiên cứu về các hiện tượng thực nghiệm vì thế là một phần

quan trọng của một quá trình khám phá song nó chỉ là một phương tiện để đi đến kết quả.

Nhấn mạnh đến cái thực nghiệm quả thực ít nghịch lý hơn nó vẫn tưởng, vì nó hình thành dải kết nối giữa sự công kích chủ nghĩa vật chất đối với nghiên cứu đầu của Levi-Strauss về thân tộc và sau đó là về sự phát triển trí tuệ. Nhân học chỉ hiển nhiên là một nghiên cứu về phong tục, niềm tin và thể chế. Về cơ bản, khảo sát nhân học là một nghiên cứu về tư duy. Đối với Levi-Strauss, nhân học phải khám phá các cấu trúc ẩn mình dưới sự đa dạng của văn hóa con người, tức mức độ mà các cấu trúc quy chiếu đến các đặc tính của trí óc loài người và các chức năng biểu tượng tạo nên đặc tính của cấu trúc. Trong khuôn khổ dự án này, mục tiêu của nhân học cấu trúc là tiến đến các cấu trúc chung ở mức độ phổ quát cho tất cả mọi xã hội, tuyệt đối tới mức chúng là các loại hình phổ quát của trí óc con người, nghĩa là các biến cấu trúc được tổ chức thành các hệ thống ý nghĩa.

Tuy nhiên, khảo sát khía cạnh vô thức của hành động xã hội và chương trình cấu trúc vẫn chưa được thực hiện trên cơ sở các tìm hiểu dựa trên cơ sở vật chất nhiều hơn. Sự công kích vật chất của Levi-Strauss chỉ được thay thế và điều chỉnh trọng tâm vào “các cấu trúc cơ bản của trí óc con người”, làm cho ông ta không cần đến các buộc tội của cả chủ nghĩa lý tưởng lẫn chủ nghĩa vật chất thô thiển. Trải nghiệm thực nghiệm và phân tích về các quy trình cấu trúc trong nhân học trong bất kể một lĩnh vực nào, vốn có thể được các tiên đoán triết học và siêu hình kế tục, đạt được lợi thế đóng góp vào một “sự sỏi mòn thoái lui” của tất cả mọi triết học được biết đến (Levi-Strauss, 1971: 570) theo một cách để đưa các nhà triết học trở lại cái mà Nietzsche đã từng gọi là “ảo ảnh” của chúng. Levi-Strauss sau đó có thể duy trì các mối quan tâm thực nghiệm của ông và ngoài tầm với chối bỏ các phê bình được thực hiện theo cách này, mà các quan tâm thực nghiệm này lý giải vì sao ông lại không mặn mà với hậu chủ nghĩa cấu trúc (poststructural thought) cho dù ông là một trong những kẻ chủ mưu đầu tiên (Doja, sắp đăng, 2006).

Các đặc tính của cái mà Levi-Strauss gọi là “trí óc mông muội/savage mind” cùng lúc được cấu trúc và đang được cấu trúc. Tính ưu việt của các hình thức vô thức có nguồn gốc từ thực tế là chúng thể hiện một cách thức cởi trói cho và sản sinh ra một thế giới. Chối bỏ các diễn giải theo kiểu sử học, chức năng và nét đặc thù văn hóa, Levi-Strauss đã mở ra một lĩnh vực ý nghĩa. Vì vấn đề ý nghĩa được định vị trong một sự đa dạng của văn hóa, vị trí không thể gián lược về bản sắc con người đã được xác lập. Nếu có các quy luật về tầm quan trọng phổ quát tạo nên ý nghĩa đằng sau sự đa dạng văn hóa hiển nhiên thì rõ ràng là phải có một cấu trúc tinh thần phổ quát.

Chân trời hùng biện: Hướng tới nền nhân học tương lai

Không nghi ngờ gì nữa, đối với Levi-Strauss, cái vô thức được hiểu là đang tồn tại khách quan có mối liên hệ với bản chất sinh học của loài người, tới cấu trúc của trí óc và các thể thức cấu trúc riêng biệt của nó. Khác với vô thức phân tâm học, vô thức cấu trúc tiết lộ một khung chính thức hay một kiến thức nhận thức mà Levi-Strauss vừa kêu gọi vừa tiên đoán. Nếu chúng ta ấn định tính nội trội của đặc tính loại hình của cái vô thức thì cái biểu tượng sẽ phơi bày sự khác biệt rộng nhất đối với con người theo một cách làm gắn kết tất cả các khía cạnh khác lại. Tuy nhiên, nguồn gốc của cái khác biệt lại chỉ được tìm thấy trong chính “kiến trúc” của não như một bộ phận gắn kết với thực tiễn thời gian và không gian.

Các giả thuyết cấu trúc vì thế có những tác động không thể chối cãi, thậm chí nếu chúng không phải luôn được tiếp đất và luôn màu mỡ. Nhân học cấu trúc tạo nên một chuỗi nguyên gốc các phản ánh về các khía cạnh văn hóa và xã hội của đời sống con người và phương pháp luận cấu trúc dựa trên các giả định không phải lập thừa mà cũng không phải thứ yếu song liên quan đến bản chất của thực tế nhân tính.

Với đặc tính bất hủ của nó, nghiên cứu của Levi-Strauss kêu gọi các đặc tính của những cha đẻ của nền nhân học (Sperber, 1982: 125), từ L. H. Morgan đến Sir James Franzer, trong khi theo cách mà ông cân đối giữa không gian với tinh thần và vật chất, ông tiên đoán về một đòi hỏi chương trình mãnh liệt đối với một tiếp cận khoa học mở rộng và một nền nhân học lý thuyết sẽ ra đời. Nhân học của Levi-Strauss là một ngành học theo mô hình lý thuyết, một khoa học quy nạp và chính xác. Đối tượng của nó vẫn là tâm lý, vốn đã là đối tượng của E. B. Taylor. Tuy nhiên, sự tìm kiếm của nó lên đến cực điểm không chỉ trong tái cấu tạo giả thuyết của con đường cách mạng tiến đến chủ nghĩa hiện đại kỷ nguyên Ánh sáng mà thay vào đó là trong sự giải thích về “ngữ pháp” phổ quát, các ý nghĩa cấu trúc và đang cấu trúc của chính trí óc. Levi-Strauss đề xuất phát triển một phân tích về các thao tác của trí óc con người, nhưng không giải quyết đến các cấu trúc tâm lý của các cá nhân hay thậm chí tổng thể các cấu trúc của một xã hội, mà đi xa hơn giải quyết lược đồ tổ chức của bất kỳ một xã hội nào.

Với sự thủ mưu của Levi-Strauss, tiếp cận nhân học có thể thỏa hiệp ba cấp độ theo mối quan hệ kép của phương pháp luận và chủ thể phân tích, đi từ các nghiên cứu trường hợp đến mô tả các quy luật phổ quát. Gọi lên một cách thận trọng từ dự án theo thuyết phổ quát cổ vũ nhân học triết học, nhân học cấu trúc ngụ ý rằng một đẳng cấp các phương thức và đối tượng của tri thức trong khi dân tộc chí và dân tộc học là các thuật ngữ khác, không phải theo một trật tự thoái bộ về phẩm giá, song theo biểu đạt bên trong của

chúng trong khuôn khổ các giai đoạn khác nhau của tiếp cận khoa học. Với bước chuyển dịch từ cái cụ thể sang cái chung, một quá trình tổng hợp chính thức được bảo toàn cho xã hội học, Levi-Strauss đã thiết lập tính hợp pháp của một nền nhân học lý thuyết có nhiều khác biệt và đồng thời hỗ trợ cho dân tộc chí như vật lý học lý thuyết khác biệt và hỗ trợ cho vật lý học thí nghiệm. Thêm vào đó, trong nỗ lực vượt qua mâu thuẫn giữa chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa tổng thể, ông cho thấy xã hội học trong nghiên cứu tổng thể các cá nhân sử dụng “các mô hình thông kê” và nhân học trong nghiên cứu tính gắn kết của các cấu trúc xã hội sử dụng các “mô hình cơ chế” (1958f: 311-13) áp dụng cùng một loại quan hệ với nhau như thể động nhiệt học với cơ học lượng tử trong vật lý học hiện đại, như chúng nghiên cứu ứng xử tập thể và cấu trúc bên trong của nguyên tử và phân tử.

Các nghiên cứu ban đầu của Levi-Strauss không chỉ tạo nên một bước đi đầu tiên trong nghiên cứu cấu trúc về thân tộc. Điều thú vị về tác phẩm *The Elementary Structures of Kinship* (1967) là đóng góp của nó đối với chuyên ngành đặc biệt chuyên sâu của nhân học đi kèm với một đóng góp phổ quát hơn đối với lý thuyết xã hội. Levi-Strauss không chỉ đơn giản quan tâm đến việc truyền tải một loại hình trật tự về vô số các tài liệu tích tụ trong các quan hệ thân tộc, là căn đề có nhiều tranh luận trong lĩnh vực chuyên ngành về nghiên cứu thân tộc, mà cũng quyết định các nền tảng lý thuyết của đóng góp khoa học của ông đối với nhân học nói chung. Các loại hình liên minh cơ bản cung cấp một mẫu hình đầu tiên về các nguyên tắc tổ chức của văn hóa và khả năng của các nguyên tắc này trong việc tạo ra một số lượng có hạn các hình thức cố kết. Trên cơ sở đó, dường như nhân học có dịp rút ra một danh mục có hệ thống các hình thức xã hội ổn định về mặt cấu trúc (Scubla, 1998). Các nguyên tắc của nhân học cấu trúc có vẻ giống với các nguyên tắc của vật lý lượng tử cung cấp chìa khóa cho các cấu trúc nguyên tử. Hơn thế nữa, Levi-Strauss trong khoa học xã hội, giống như Einstein trong khoa học tự nhiên, qua việc tạo ra hình thái chính xác về cấu trúc chuyển đổi của huyền thoại và tính tương đối của sự phổ quát, đã quy chiếu đến những điểm này một địa vị giống nhau của các đối tượng tuyệt đối.

Năm 1676, Isaac Newton đã quy chiếu nghiên cứu của chính mình về quang học bằng việc tuyên bố rằng “Nếu tôi đã nhìn xa hơn thì đó là do tôi đứng trên vai của những người khổng lồ”. Thật không may và có hại đối các ngành khoa học xã hội và nhân học, song khác với các ngành khoa học tự nhiên mà Stephen Hawking (2002) gần đây đã rất tôn kính, tất cả chúng ta thường có xu hướng lãng quên đôi vai của những người khổng lồ, không phải là vì không tôn kính họ mà là vì sự gia tăng của thế giới cá nhân chủ nghĩa trong chúng ta. Có lẽ Levi-Strauss chưa hẳn là Einstein (1958h: 180)

mà ông tin rằng nhân học đang tìm kiếm, hay là nhà vũ trụ học Mendeleev trong khoa học xã hội mà ông phấn đấu trở thành (1955: 203). Tuy nhiên, bằng việc sơ đồ hóa một bảng thời gian về các ngành học trong đó nhân học tìm thấy vị trí của mình (1973c: 350-1) qua việc tạo nên “nguyên tử thân tộc” được chào đón theo tinh thần vật lý mới (1958a: 58) và bằng việc quy chiếu đến các lược đồ huyền thoại địa vị của “các đối tượng tuyệt đối”, (1964: 21) mà chỉ có thể trở thành dễ hiểu thông qua việc sử dụng một “công thức chuẩn” (1958h: 252-3), ông cảm hứng điều này trong các nghiên cứu của mình với một ý thức về thiên hướng nhân học, cảm giác tham gia một cuộc mạo hiểm tri thức mới rất sáng lạng và đầy hứa hẹn.

Hơn bất kỳ điều gì khác, Levi-Strauss làm sáng rõ một không gian tưởng tượng cho các thể hệ nhà nhân học sau đó và tầm quan trọng học thuật của ông giờ đây không còn gì phải bàn cãi. Danh tiếng của nhân học mang nợ ông nhiều và danh tiếng của ông trong các nhà nhân học cũng vẫn còn đang được tán dương. Dù nghiên cứu của ông không phải dễ dàng hiểu hết đối với những kẻ ngoại đạo, mà cũng không hoàn toàn được xác nhận một cách chắc chắn, còn lâu mới được như thế, và bất chấp tất cả các lời chỉ trích liên quan đến nghiên cứu của ông, uy tín và sự lỗi lạc trong các vấn đề mà ông đặt ra trong các khu vực trọng tâm như thân tộc, phân loại huyền thoại đã làm thay đổi cơ bản cách thức mà các nhà nhân học nêu vấn đề và xác định vấn đề chủ thể của họ. Thế hệ của ông đã đạt tới các quy mô lớn mà họ dường như đã tạo ra một mục tiêu dễ dàng cho các phê phán thù địch và có thể một vài mảnh vá yếu ớt trong lập luận của Levi-Strauss. Thật dễ dàng để chứng minh rằng ông đôi khi sai ở những vấn đề cụ thể, song điều này không làm giảm giá trị đồ sộ của ông trong các khái quát cơ bản mà ông nêu ra. Cho dù tác động tương lai của nghiên cứu do ông thực hiện và thậm chí nếu thời gian gọi lên các vấn đề và giới hạn trong phân tích cấu trúc, phương pháp cơ bản của lý thuyết của Levi-Strauss vì thế có thể được phân tích, thậm chí còn ít ảnh hưởng hơn những năm 1960, nó sẽ không bao giờ bị mất đi. Nó là một thành tựu trí tuệ vẫn chưa thể vượt qua và có thể được đổi mới.

Nhân học của Levi-Strauss trước hết là một phương pháp tri thức gốc, được phát triển cùng lúc với xử lý các vấn đề đặc biệt đối với ngành học song đối tượng của nó về nguyên tắc rất lớn và tính sinh sản của nó thật đáng kinh ngạc làm cho nó nhanh chóng có ảnh hưởng vượt qua giới hạn của lĩnh vực nghiên cứu ban đầu. Theo nhiều cách, chương trình mà ông tạo dựng cho nhân học trở thành một “một ngành khoa học bình thường” cho ngành học như là một tổng thể đến mức như vốn ban đầu ông liệt kê cũng như sự đa dạng của hiện tượng mà ông cố gắng làm sáng tỏ, ông là một điểm quy chiếu không thể thiếu dưới góc độ tất cả các thể hệ nhà nhân học

kế tiếp bất chấp lĩnh vực hay định hướng chuyên môn đều giữ việc xác định tiếp cận, cho dù họ có gắn kết với các điểm này hay không. Tuy nhiên, chỉ có một số ít các nhà nhân học thực hành những phương pháp này một cách có hiệu quả mà vốn đã được chính Levi-Straus kiểm nghiệm. Những người khác, thậm chí ít hơn, đã thành công trong việc mở rộng giá trị của lĩnh vực mình bằng việc tái công thức hóa các giả thuyết của mình. Song điều này chính nó ngụ ý rằng tác động của nhân học cấu trúc không chỉ giới hạn ở các thành tựu kinh ngạc được tạo dựng ở tính chính đáng ban đầu của nó.